

Số: /2020/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 53 Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 341/TTr-SNN&PTNT ngày 23 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam theo khoản 5 Điều 53 Luật Chăn nuôi.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vật nuôi bao gồm gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi.

2. Gia súc là các loài động vật có vú, có 04 chân được con người thuần hóa và chăn nuôi.

3. Gia cầm là các loài động vật có 02 chân, có lông vũ, thuộc nhóm động vật có cánh được con người thuần hóa và chăn nuôi.

4. Đơn vị vật nuôi là đơn vị quy đổi của gia súc, gia cầm theo khối lượng sống, không phụ thuộc vào giống, tuổi và giới tính. Mỗi đơn vị vật nuôi tương đương với 500 kg khối lượng vật nuôi sống. Đơn vị vật nuôi (viết tắt là ĐVN)

của từng loại vật nuôi áp dụng theo quy định tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ.

5. Hệ số đơn vị vật nuôi là hằng số áp dụng để quy đổi trực tiếp số lượng gia súc, gia cầm sang đơn vị vật nuôi.

6. Mật độ chăn nuôi được tính bằng tổng số ĐVN trên 01 ha đất nông nghiệp.

7. Diện tích đất nông nghiệp là tổng diện tích các loại đất nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, bao gồm: đất trồng cây hàng năm (gồm: đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác); đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất; đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất nông nghiệp khác (gồm: đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu, thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh).

Điều 3. Nguyên tắc xác định mật độ chăn nuôi

1. Diện tích đất nông nghiệp là tổng diện tích các loại đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Mật độ chăn nuôi (ĐVN/ha) của vùng theo quy định của Luật Chăn nuôi, tỉnh Quảng Nam áp dụng theo vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung năm 2030 là 1,0.

3. Căn cứ chiến lược phát triển chăn nuôi của tỉnh, công nghệ chăn nuôi và môi trường sinh thái, mật độ chăn nuôi của tỉnh Quảng Nam năm 2030 không vượt quá 1,0 ĐVN/ha.

Điều 4. Quy định mật độ chăn nuôi

STT	Khu vực	Mật độ chăn nuôi (ĐVN/ha)	
		Năm 2020	Năm 2030
1	Khu vực 1 (Tam Kỳ, Hội An)	1,32	0,26
2	Khu vực 2 (Điện Bàn, Núi Thành)	1,05	0,74
3	Khu vực 3 (Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Phú Ninh)	0,98	1,59
4	Khu vực 4 (Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn)	0,28	0,61
5	Khu vực 5 (Bắc Trà My, Nam Trà My, Phước Sơn, Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang)	0,07	0,23
	Toàn tỉnh	0,31	0,53

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn; tuyên truyền Quy định đến tất cả các tổ chức, cá nhân chăn nuôi trên địa bàn biết, thực hiện.

b) Phối hợp với các ngành chức năng giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư chăn nuôi trên địa bàn theo đúng quy hoạch và mật độ chăn nuôi đã phê duyệt; quản lý hoạt động chăn nuôi theo đúng quy định của pháp luật.

c) Chỉ đạo công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm có liên quan trên địa bàn theo thẩm quyền.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện Quy định này ở các địa phương; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh, bổ sung mật độ chăn nuôi vùng trong trường hợp cần thiết.

b) Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển chăn nuôi theo quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo mật độ chăn nuôi tại Quy định này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xác định diện tích đất nông nghiệp để các địa phương điều chỉnh mật độ chăn nuôi cho phù hợp với quy định.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2021.

Điều 7. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBNDTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Quảng Nam;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: HCTC, TH, NC, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu